

Bản án số: 37/2022/HS-ST
Ngày 04-3-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VT, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Trường

Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố VT, xét xử sơ thẩm C khai vụ án Hình sự thụ lý số 185/2021/HSST ngày 25 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43A/2021/QĐXXST- HS ngày 18 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Thị Ngọc Y, sinh năm 1999 tại Đồng Nai; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp HB, xã ĐH, huyện TB, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Giáo viên mầm non; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt N; con ông Lê Viết Q (đã chết) và bà Phạm Thị Ngọc S (sinh năm 1972); Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện trú tại: ấp HB, xã ĐH, huyện TB, tỉnh Đồng Nai. (có mặt).

Bị hại:

- Anh Trần Đức Th, sinh năm 1994; Địa chỉ: thôn GT, xã GiL, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

- Anh Hàm Đình C, sinh năm 1999; Địa chỉ: Thôn MH, xã LTh, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

- Anh Trần Văn H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn MH, xã LTh, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

- Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp Phước Lâm, xã Phước H, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1994; Địa chỉ: thôn GT, xã GiL, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

- Chị Trần Thị Tr, sinh năm 2001; Địa chỉ: thôn GT, xã GiL, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

- Chị Phù Kim Tr, sinh năm 1999; Địa chỉ: Thôn MB, xã LTh, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1986; Địa chỉ: Kp B, phường PN, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

- Anh Lê Hoàng Anh Q, sinh năm 1993; Địa chỉ: đường PBC, phường H, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Đình N, sinh năm 1982; Địa chỉ: CC NHC, phường ThN, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

- Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1999; Địa chỉ: Ấp PL, xã PH, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

- Anh Phan Đình Tr, sinh năm 1998; Địa chỉ: Ấp PL, xã PH, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

- Ông Trần Đức M, sinh năm 1970; Địa chỉ: xóm RĐ, xã LTh, huyện YTh, tỉnh Nghệ An. (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

- Bà Cao Thị Ph, sinh năm 1986; Địa chỉ: xóm RĐ, xã LTh, huyện YTh, tỉnh Nghệ An. (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1970; Địa chỉ: xóm QTh, xã DB, huyện DCh, tỉnh Nghệ An. (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

- Anh Nguyễn Đình D, sinh năm 1994; Địa chỉ: thôn GT, xã GiL, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Đức B, sinh năm 2003; Địa chỉ: thôn GT, xã GiL, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

- Chị Trần Thị Tr, sinh năm 2003; Địa chỉ: thôn GT, xã GiL, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Đình T; Địa chỉ: xã TTh, huyện YTh, tỉnh Nghệ An. (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Đình T1; Địa chỉ: xã TTh, huyện YTh, tỉnh Nghệ An. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, Ngh vụ liên quan:

- Ông Trần Đức Th, sinh năm 1973 và bà Phạm Thị Ngọc S, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp HB, xã ĐH, huyện TrB, tỉnh Đồng Nai.

(Bà S vắng mặt, ông Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng giữa tháng 7 năm 2020, thông qua mạng xã hội Zalo, Lê Thị Ngọc Y và anh Trần Đức Th (sinh năm 1994, địa chỉ: thôn GT, xã GiL, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng) quen nhau rồi nảy sinh tình cảm nam nữ. Do cần tiền tiêu xài nên Y nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối mở

cơ sở Spa làm đẹp để tuyển dụng nhân viên để chiếm đoạt tiền xin việc. Ngày 24-7-2020, Y nói chuyện với anh Th là Y có bốn cơ sở spa làm đẹp tại thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Biên Hoà và hiện đang cần tuyển nhân viên các vị trí quản lý, Tr điểm, lái xe, kho, bếp....Y đề nghị anh Th tìm người để tuyển vào các vị trí mức lương từ 8.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Khi nộp hồ sơ cho Y tại thành phố VT, người đến xin việc cho Y phải nộp cho Y các khoản tiền thế chân, tiền học vi tính, học nghề.... Với thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 7-2020 đến tháng 9-2020 tại địa bàn thành phố VT, Y đã chiếm đoạt tổng số tiền 162.200.000 đồng của 20 người, cụ thể như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 27-7-2020, Y cùng người phụ nữ tên S (không rõ lai lịch) đi xe ô tô do Y thuê của anh Ngh chở đến chợ đêm Vũng Tàu gặp anh Th cùng 03 người xin việc gồm anh Hàm Đình C (sinh năm 1999, trú tại xã LTh, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng), Nguyễn Thị S (sinh năm 1999, trú tại: xã GiL, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng), Nguyễn Văn Th (sinh năm 1989, trú tại: xã Phước H, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu). Tại đây, Y nhận hồ sơ xin việc và yêu cầu từng người nộp tiền cho Y. Mọi người đã nộp tiền, cụ thể: anh C 5.000.000 đồng để nhận xe ô tô, chị S 23.000.000 đồng tiền thế chân, tiền học vi tính, học Tr điểm; anh Thu 2.000.000 đồng tiền thế chân làm bốc vác, anh Th 7.000.000 tiền học vi tính để làm quản lý. Tổng Y nhận 37.000.000 đồng ghi xác nhận tại mặt sau đơn xin việc của từng người.

Ngày 28-7-2020, anh Th liên hệ với Y để xin cho em gái tên Trần Thị Tr (sinh năm 2001, trú tại: thôn Gan Thị, xã GiL, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng) vào học và làm Tr điểm. Y đồng ý và yêu cầu nộp cho Y 24.000.000 đồng. Cùng ngày anh Th đã nộp cho Y số tiền trên.

Nhằm cho mọi người tin, ngày 01-8-2020, Y thuê phòng nghỉ tại khách sạn Sơn Thịnh, thành phố VT cho mọi người ở trong lúc chờ Spa khai trương đến làm việc. Lúc này, Y tiếp tục yêu cầu anh C và anh Th mỗi người nộp cho Y 3.000.000 đồng tiền thế chân, tổng 6.000.000 đồng.

Ngày 06-8-2020, Y cùng mọi người về nhà anh Th chơi gặp chồng chị S là anh Trần Văn H (sinh năm 1990, trú tại: thôn GTh, xã GiL, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng), Y nói đang cần tuyển đầu bếp mức lương 15.000.000 đồng, nếu anh làm thì nộp 3.000.000 đồng tiền thế chân. Anh H đồng ý và nộp 3.000.000 đồng cho Y.

Ngày 08-8-2020, Y thuê chung cư Vũng Tàu Goldsea, thành phố VT cho mọi người ở. Tại đây, Y nói C bảo người yêu là Phù Kim Tr (sinh năm 1999, trú tại: xã LTh, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng) vào làm thư ký và yêu cầu nộp 10.000.000 đồng, Tr đồng ý và nộp trước cho Y 5.000.000 đồng.

Y tiếp tục yêu cầu anh Th tìm 04 người lái xe cho Spa chuẩn bị khai trương ở PhM, anh Th nói Y đăng lên mạng để tìm cho nhanh. Sau đó, anh Nguyễn Đình N (sinh năm 1982, trú tại: Đường NHC, phường ThN, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) là người quen biết với anh Th, anh Lê Hoàng Anh Q (sinh năm 1993, trú tại: đường PBC, phường H, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) tìm hiểu thông tin qua mạng, anh Nguyễn Văn C (sinh năm 1986, trú tại: Kp B, phường PN, thành phố BR, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) do bạn bè giới thiệu đến gặp Y. Y giao cho chị Tr

tiếp nhận hồ sơ, nhận tiền trực tiếp và một phần chuyển qua tài khoản của Th mỗi người 8.000.000 đồng, tổng 24.000.000 đồng. Chị Tr và anh Th đã giao lại cho Y 24.000.000 đồng.

Trong quá trình thuê ở tại Goldsea, mọi người hỏi Y về việc làm và ngày khai trương cơ sở Spa, Y đều lấy lý do do dịch Covid -19 nên chưa khai trương được. Y tạo niềm tin cho mọi người bằng cách Y dạy cho chị S và Tr học Tr điểm chân mày, tổ chức họp; yêu cầu anh C và anh Th học thuộc đoạn văn để làm dẫn chương trình khai trương Spa; Y lên mạng xã hội thuê người làm các con dấu tên, chức danh và phát cho từng người gồm: Tổng giám đốc – Lê Thị Ngọc Y, Giám đốc – Trần Đức Th, Giám đốc điều hành tài chính – Phù Kim Tr; Giám đốc điều hành xe – Hàm Đình C, Quản lý bếp – Trần Văn H, Học viện đào tạo Bé Y – đã thu tiền. Y tự nghĩ ra 151 danh sách học viên tại cơ sở Spa Đà Nẵng để đưa cho Th chấm C. Y thuê 10 người làm bố mẹ giả và bà con họ hàng giả để đưa về nhà gặp bố mẹ anh Th.

Ngày 20-8-2020, Y nói với anh Th tìm thêm 05 người làm đầu bếp nấu cơm 02 cơ sở Spa chuẩn bị khai trương tại thị xã Phú Mỹ và thành phố VT và yêu cầu phải nộp tiền thế chân mỗi người 3.000.000 đồng. Anh Th gọi điện cho 05 người thân quen giới thiệu việc làm gồm: Anh Nguyễn Đức B (sinh năm 2003, trú tại: xã GiL, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng), anh Nguyễn Đức H (sinh năm 1999, trú tại: xã Phước H, huyện LD, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), anh Nguyễn Đình T1 (sinh năm 1990, trú tại: xã TTh, huyện YTh, tỉnh Nghệ An), anh Nguyễn Đình D (sinh năm 1994, trú tại: xã TTh, huyện YTh, tỉnh Nghệ An), anh Nguyễn Văn T (trú tại: xã TTh, huyện YTh, tỉnh Nghệ An). Cả 05 người đồng ý và mỗi người chuyển 3.000.000 đồng tiền thế chân vào tài khoản của anh Th, anh Th rút tiền và chuyển cho Y, tổng cộng 15.000.000 đồng.

Ngày 25-8-2020, Y nói với anh Th cần thêm 02 người tạp vụ và 01 đầu bếp chính để làm cho hai chi nhánh Phú Mỹ và Vũng Tàu. Anh Th gọi điện cho vợ chồng chú ruột là ông Trần Đức M (sinh năm 1970), bà Cao Thị Ph (sinh năm 1968) và Nguyễn Thị O, cùng trú tại: xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Cả ba người đồng ý và mỗi người chuyển 3.000.000 đồng vào tài khoản của anh Th, anh Th rút tiền và nộp cho Y tổng 9.000.000 đồng.

Ngày 27-8-2020, Y nói với anh Th còn người thân nào không có việc làm nữa không để đưa hai người vào làm thư ký và quản lý kho. Anh Th nói còn hai em, một em ruột là Trần Thị Tr (sinh năm 2003, trú tại: xã GiL, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng) và một em họ là Phan Đình Tr (sinh năm 1998, trú tại: xã Long Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An). Y nói nếu làm quản lý thì phải nộp 27.000.000 đồng gồm: tiền thế chân, tiền học vi tính, tiếng anh, tiền đảm bảo làm kho; làm thư ký nộp 16.000.000 đồng. Anh Tr và chị Tr đồng ý. Anh Tr gọi điện mượn cậu ruột cũng là bố đẻ của anh Th là ông Trần Đức Độ (sinh năm 1964, trú tại: xã GiL, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng) mượn 16.000.000 đồng, ông Độ chuyển 43.000.000 đồng xin việc cho anh Tr và chị Tr vào tài khoản của Th. Anh Th rút 39.000.000 đồng nộp cho Y (trong đó 27.000.000 đồng nộp cho chị Tr, 12.000.000 đồng nộp cho anh Tr, còn lại 4.000.000 đồng anh Th chưa giao nộp cho Y).

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra – C an thành phố VT, Lê Thị Ngọc Y đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- Đồ vật thu giữ, tạm giữ:

+ 03 (Ba) con dấu hộp màu đỏ mang tên: Tổng giám đốc Lê Thị Ngọc Y, Giám đốc Trần Đức Th, Học viện Bé Y – đã thu tiền; 03 (Ba) bộ hồ sơ xin việc làm bản chính của Nguyễn Đình N, Lê Hoàng Anh Q, Nguyễn Văn C (do C an huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tạm giữ chuyển kèm hồ sơ giải quyết theo thẩm quyền).

+ 92.000.000 đồng do ông Trần Đức Th – bố dượng của Y nộp để khắc phục hậu quả.

+ 27.100.000 đồng do Y nộp để khắc phục hậu quả.

+ 02 (Hai) giấy biên nhận tổng số tiền 25.000.000 đồng Y trả cho anh Bùi Trọng Ngh.

+ 02 (Hai) biên nhận tổng số tiền 45.000.000 đồng Y khắc phục hậu quả, anh Trần Văn H nhận; 01 (Một) phiếu chứng nhận giao dịch khắc phục hậu quả 5.000.000 đồng cho anh Nguyễn Đình N; 01 (Một) phiếu chứng nhận giao dịch khắc phục hậu quả 13.000.000 đồng cho anh Lê Hoàng Anh Q.

Tất cả do Y nộp.

+ 02 (Hai) bản chấm C 151 học viên học việc tại cơ sở Đà Nẵng, Y giao cho Th chấm C; 04 (Bốn) bộ hồ sơ xin việc của Nguyễn Đức H, Nguyễn Đức B, Nguyễn Đình D, Nguyễn Đình T1; 01 (Một) đơn tự nguyện do Y viết về việc xin khắc phục hậu quả; 03 (Ba) tấm hình 15x11; 03 (Ba) sổ hộ khẩu sao y bản chính của gia đình ông Độ, anh H, ông M; 08 (Tám) giấy CMND sao y bản chính của chị S, ông Độ, anh C, anh H, anh Th, bà O, ông M, bà Ph. Tất cả do Th nộp.

Xử lý vật chứng: Số tiền 119.100.000 đồng và 03 con dấu hộp màu đỏ mang tên: Tổng giám đốc Lê Thị Ngọc Y, Giám đốc Trần Đức Th, Học viện Bé Y – đã thu tiền. Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT ra quyết định chuyển vật chứng đến chi cục Thi hành án Dân sự thành phố VT bảo quản, chờ xử lý. Đối với số tài liệu thu giữ còn lại chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm Dân sự: Các bị hại yêu cầu Y bồi thường số tiền đã chiếm đoạt.

Tại Cáo trạng số 194/CT-VKS ngày 24-6-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT truy tố Lê Thị Ngọc Y về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 174; điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc Y từ 03 (Ba)

năm đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

+ Xử lý vật chứng:

Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố VT tiếp tục tạm giữ số tiền 119.100.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0002225 do Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố VT lập ngày 28.06.2021 để đảm bảo Thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy: 03 (Ba) con dấu hộp màu đỏ mang tên: Tổng giám đốc Lê Thị Ngọc Y, Giám đốc Trần Đức Th, Học viện Bé Y – đã thu tiền.

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời nói sau cùng bị cáo hối hận về hành vi phạm tội, xin lỗi các bị hại và xin giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong vụ án này đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đủ căn cứ để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7-2020 đến tháng 9-2020 tại địa bàn thành phố VT, bị cáo đã đưa ra thông tin giả về việc có ba cơ sở Spa làm đẹp tại thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Biên Hoà và hiện đang chuẩn bị khai trương cơ sở Spa Bé Y tại thị xã Phú Mỹ và thành phố VT để tuyển nhân viên vào các vị trí tại cơ sở Spa tại thị xã Phú Mỹ và thành phố VT. Khi tuyển bị cáo yêu cầu họ đóng tiền thế chân, học nghề,... rồi chiếm đoạt. Bị cáo đã chiếm đoạt 162.000.000 đồng của các bị hại, bao gồm:

Anh Trần Đức Th:	10.000.000 đồng.
Anh Hàm Đình C:	8.000.000 đồng.
Chị Nguyễn Thị S:	23.000.000 đồng.
Anh Nguyễn Văn Th:	2.000.000 đồng.
Chị Trần Thị Triền:	24.000.000 đồng.
Anh Trần Văn H:	3.000.000 đồng.
Chị Phù Kim Tr:	5.000.000 đồng.
Anh Nguyễn Đình N:	8.000.000 đồng.

Anh Lê Hoàng Anh Q:	8.000.000 đồng.
Anh Nguyễn Văn C:	8.000.000 đồng.
Anh Nguyễn Đức H:	3.000.000 đồng.
Anh Nguyễn Đức B:	3.000.000 đồng.
Anh Nguyễn Đình T1:	3.000.000 đồng.
Anh Nguyễn Đình D:	3.000.000 đồng.
Anh Nguyễn Văn T:	3.000.000 đồng.
Ông Trần Đức M:	3.000.000 đồng.
Bà Cao Thị Ph:	3.000.000 đồng.
Bà Nguyễn Thị O:	3.000.000 đồng.
Chị Trần Thị Tr:	27.000.000 đồng.
Anh Phan Đình Tr:	12.000.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với T tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự đúng như quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT.

[3] Tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản C dân được Pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] T tiết tăng nặng, T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] T tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã hơn 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của bị hại nên áp dụng T tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.2] T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo và gia đình đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho các bị hại; một số bị hại đã bãi nại cho bị cáo; bố bị cáo mất từ khi bị cáo mới sinh, mẹ bị cáo bị mù cả hai mắt, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên áp dụng các T tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Trần Đức Th là bố dượng của bị cáo đã nộp số tiền 92.000.000 đồng giúp bị cáo khắc phục hậu quả. Ông Th không có yêu cầu gì đối với số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị hại anh Trần Đức Th, anh Trần Văn H đã nhận đủ số tiền bồi thường từ bị cáo, anh Th, anh H không có yêu cầu gì liên quan đến số tiền bị chiếm đoạt nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị S đã nhận số tiền 20.000.000 đồng, chị S yêu cầu bị cáo tiếp tục Th toán cho chị số tiền 7.000.000 đồng, bao gồm: 3.000.000 đồng tiền nộp để thế chân và 4.000.000 đồng tiền cho bị cáo mượn.

Ông M, bà Ph, bà O, anh D, anh B, anh T, anh T1 có ý kiến trình bày số tiền bị bị cáo chiếm đoạt, anh Th đã tạm ứng và Th toán cho họ nên họ yêu cầu bị cáo trả số tiền này cho anh Th. Tại phiên tòa anh Th cũng xác nhận đã tạm ứng trả cho mỗi người trên 3.000.000 đồng tiền bị bị cáo chiếm đoạt, tổng cộng 21.000.000 đồng và yêu cầu bị cáo Th toán số tiền này cho anh Th.

Trong thời gian bị cáo ở Vũng Tàu cùng với các bị hại, bị cáo có mượn của chị Phù Kim Tr 1.000.000 đồng, của anh C 9.100.000 đồng, của chị S 4.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý trả số tiền đã chiếm đoạt và số tiền đã mượn cho các bị hại. Mặc dù, một số bị hại vắng mặt nhưng xét thấy việc bị cáo tự nguyện trả cho các bị hại như vậy là phù hợp với quy định của Pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Bị cáo có trách nhiệm Th toán cho các bị hại, số tiền cụ thể như sau:

- Anh Trần Đức Th: 21.000.000 đồng

- Anh Hàm Đình C: 17.100.000 đồng

(trong đó 8.000.000 đồng là tiền bị cáo chiếm đoạt, 9.100.000 đồng là tiền bị cáo mượn).

- Chị Nguyễn Thị S: 7.000.000 đồng.

(trong đó 3.000.000 đồng là tiền bị cáo chiếm đoạt, 4.000.000 đồng là tiền bị cáo mượn).

- Anh Nguyễn Văn Th: 2.000.000 đồng

- Chị Trần Thị Tr: 24.000.000 đồng

- Chị Phù Kim Tr: 6.000.000 đồng

(trong đó 5.000.000 đồng là tiền bị cáo chiếm đoạt, 1.000.000 đồng là tiền bị cáo mượn).

- Anh Phan Đình Tr: 12.000.000 đồng

- Anh Nguyễn Đức H: 3.000.000 đồng

- Chị Trần Thị Tr: 27.000.000 đồng

Tổng cộng bị cáo phải Th toán cho các bị hại số tiền là 119.100.000 đồng. Bị cáo và gia đình đã nộp 119.100.000 đồng tiền để khắc phục hậu quả. Số tiền này đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố VT. Vì vậy, các bị hại được quyền liên hệ với Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố VT để nhận tiền khi Bản án có hiệu lực Pháp luật.

[6] Xử lý vật chứng:

- Đối với 03 (Ba) con dấu hộp màu đỏ mang tên: Tổng giám đốc Lê Thị Ngọc Y, Giám đốc Trần Đức Th, Học viện Bé Y – đã thu tiền liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 119.100.000 đồng là tiền bị cáo và gia đình nộp để khắc phục hậu quả. Chi cục Thi hành án tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với:

+ 07 (Bảy) bộ hồ sơ xin việc của Nguyễn Đình N, Lê Hoàng Anh Q, Nguyễn Văn C, Nguyễn Đức H, Nguyễn Đức B, Nguyễn Đình D, Nguyễn Đình T1;

+ 04 (Bốn) giấy biên nhận tiền;

+ 01 (Một) phiếu chứng nhận giao dịch khắc phục hậu quả 5.000.000 đồng cho anh Nguyễn Đình N; 01 (Một) phiếu chứng nhận giao dịch khắc phục hậu quả 13.000.000 đồng cho anh Lê Hoàng Anh Q;

+ 02 (Hai) bảng chấm C 151 học viên học việc tại cơ sở Đà Nẵng; 01 (Một) đơn tự nguyện do Y viết về việc xin khắc phục hậu quả; 03 (Ba) tấm hình 15x11; 03 (Ba) sổ hộ khẩu sao y bản chính của gia đình ông Độ, anh H, ông M; 08 (Tám) giấy CMND sao y bản chính của chị S, ông Độ, anh C, anh H, anh Th, bà O, ông M, bà Ph.

Tiếp tục lưu kèm theo hồ sơ vụ án.

[7] Đối với người phụ nữ tên Sin không rõ lai lịch. Bị cáo khai Sin không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với số tiền bị cáo mượn của anh C, chị Vân, chị Tr, chị S, anh H và tiền mượn, thuê xe của anh Ngh là giao dịch dân sự không liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo nên cơ quan điều tra không xử lý Hình sự là phù hợp.

Đối với hành vi khắc dấu tên và chức danh của Y chỉ là thủ đoạn để lừa đảo, không làm giả tài liệu, con dấu của cơ quan, tổ chức nào nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có cơ sở.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí Hình sự và Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: điểm c Khoản 2 Điều 174; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Thị Ngọc Y** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Ngọc Y **03 (Ba) năm** tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

2. Về Trách nhiệm Dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585 và 586 Bộ luật Dân sự:

Bị cáo Y có trách nhiệm Th toán cho các bị hại tổng số tiền là 119.100.000đ (Một trăm mười chín triệu một trăm ngàn đồng), bao gồm:

- Anh Hàm Đình C: 17.100.000đ (Mười bảy triệu một trăm ngàn đồng).
- Chị Nguyễn Thị S: 7.000.000đ (Bảy triệu đồng)
- Anh Trần Đức Th: 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng).
- Anh Nguyễn Văn Th: 2.000.000đ (Hai triệu đồng).
- Chị Trần Thị Tr: 24.000.000đ (Hai mươi tư triệu đồng).
- Chị Phù Kim Tr: 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).
- Anh Phan Đình Tr: 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).
- Anh Nguyễn Đức H: 3.000.000đ (Ba triệu đồng).
- Chị Trần Thị Tr: 27.000.000đ (Hai mươi bảy triệu đồng)

Số tiền 119.100.000 đồng đã được nộp để khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố VT theo Biên lai thu tiền số 0002225 ngày 28.06.2021. Khi Bản án có hiệu lực Pháp luật, các bị hại nêu trên liên hệ với Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để nhận tiền.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả những khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 [Bộ luật dân sự](#).

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

3.1. Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố VT tiếp tục tạm giữ số tiền 119.100.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0002225 do Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố VT lập ngày 28.06.2021 để đảm bảo thi hành án.

3.2. Tịch thu tiêu hủy: 03 (Ba) con dấu hộp màu đỏ mang tên: Tổng giám đốc Lê Thị Ngọc Y, Giám đốc Trần Đức Th, Học viện đào tạo Bé Y – đã thu tiền.

(Vật chứng đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố VT theo Biên bản giao nhận vật chứng số 212/ BB.CCTHAn ngày 28 tháng 6 năm 2021).

4. Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016;

4.1. Án phí Hình sự: Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

4.2. Án phí Dân sự: Bị cáo phải nộp: 5.955.000đ (Năm triệu chín trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, Ngh vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án (đối với người có mặt tại phiên tòa); tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết C khai (đối với người vắng mặt tại phiên tòa), để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục Ph thẩm.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- C an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố VT;
- C an thành phố VT;
- Thi hành án dân sự thành phố VT;
- Ủy ban nhân dân x. Đông Hòa, h. Trảng Bom;
t. Đồng Nai;
- Những người tham gia tố tụng; Lưu hs.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**Lê Thị Thanh**

